

DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN BỘ CHI SỔ ĐANH GIA NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ (DDCI) NĂM 2024 - CẤU PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÂN TÍCH CHỈ SỐ DDCI

(Kèm theo Quyết định số: 39 /QĐ-SKHDT ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi phí														Ghi chú	
		Số lượng thực hiện (người)	Thời gian thực hiện các công việc (áp dụng tính theo ngày)										Tổng thời gian làm việc (tháng)	Mức lương thuê chuyên gia (VNĐ/tháng/người)	Thành tiền (VNĐ)		
			Xây dựng và trình phê duyệt KH, phương pháp luận; hiệu chỉnh chỉ số và phương pháp so sánh	Xây dựng/Hiệu chỉnh/ hoàn thiện bảng hỏi	Chuẩn bị phối kết hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền về khảo sát	Chọn mẫu	Triển khai khảo sát	Nhập liệu và làm sạch số liệu	Tính toán chỉ số và viết báo cáo và tham vấn ý kiến chuyên gia	Công bố kết quả	Tổ chức tập huấn cho các đơn vị Sở/Ban/Ngành và địa phương	Tổng cộng (ngày)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 = 4+...+12	14	15	16		
A	CẤU PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÂN TÍCH CHỈ SỐ DDCI														655.016.708		
I	CHI PHÍ THÙ LAO CHUYÊN GIA														529.062.462		
1	Thù lao Tư vấn trưởng	1	12	14	10	7	42	16	26	3	9	139	120	4	40.000.000	160.000.000	Mức lương theo khoản 1, Điều 3; Dù thời gian theo tháng theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
													14	2	40.000.000	22.153.846	Mức lương theo khoản 1, Điều 4; Dù thời gian theo tuần theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
													5		40.000.000	10.000.000	Mức lương theo khoản 2; Điều 4; Dù thời gian theo ngày theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
2	Thù lao Chuyên gia thống kê	1	16	18	0	6	25	11	25	2	9	112	90	3	38.500.000	115.500.000	Mức lương theo khoản 1, Điều 3; Dù thời gian theo tháng theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
													21	3	38.500.000	31.984.615	Mức lương theo khoản 1, Điều 4; Dù thời gian theo tuần theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
													1		38.500.000	1.925.000	Mức lương theo khoản 2; Điều 4; Dù thời gian theo ngày theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
3	Thù lao Chuyên gia dữ liệu	1	15	13	17	10	44	16	26	3	9	153	150	5	36.500.000	182.500.000	Mức lương theo khoản 1; Điều 3; Dù thời gian theo tháng theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
													3		36.500.000	4.999.000	Mức lương theo khoản 2; Điều 4; Dù thời gian theo ngày theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
II	CHI PHÍ KHÁC														73.000.000		
1	Chi phí tiền phòng nghỉ cho cán bộ khảo sát tại Làng Sơn cho tư vấn trưởng và Chuyên gia thống kê và dữ liệu (02 phòng/03 người x 600.000đ/phòng/đêm x 11 đêm)	22											22		600.000	13.200.000	600.000đ/1 phòng Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/201

STT	Nội dung	Dự toán chi phí															Ghi chú
		Số lượng thực hiện (người)	Thời gian thực hiện các công việc (áp dụng tính theo ngày)										Tổng thời gian làm việc (tháng)	Mức lương thuê chuyên gia (VNĐ/tháng/người)	Thành tiền (VNĐ)		
			Xây dựng và trình phê duyệt KH, phương pháp luận; hiệu chỉnh chỉ số và phương pháp so sánh	Xây dựng/Hiệu chỉnh/ hoàn thiện bảng hỏi	Chuẩn bị phối kết hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền về khảo sát	Chọn mẫu	Triển khai khảo sát	Nhập liệu và làm sạch số liệu	Tính toán chỉ số và viết báo cáo và tham vấn ý kiến chuyên gia	Công bố kết quả	Tổ chức tập huấn cho các đơn vị Sở/Ban/Ngành và địa phương	Tổng cộng (ngày)					
2	Chi phí tiền ăn thực địa cho cán bộ khảo sát tại Lạng Sơn cho tư vấn trưởng và Chuyên gia thống kê và dữ liệu (03 người x 12 ngày x 200.000đ/ngày/người)	36											36		200.000	7.200.000	Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017
3	Chi phí tiền phòng nghỉ cho cán bộ quản lý lớp tập huấn tại Lạng Sơn (02 phòng/03 người x 600.000đ/phòng/đêm x 05 đêm = 6.000.000đ)	10											10		600.000	6.000.000	Chi cho nhân viên hỗ trợ hội thảo Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017
4	Chi phí tiền ăn cho cán bộ quản lý lớp tập huấn tại Lạng Sơn (03 người x 06 ngày x 200.000đ/ngày/người= 3.600.000đ)	18											18		200.000	3.600.000	Chi cho nhân viên hỗ trợ hội thảo, Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017
5	Chi phí thuê xe đi lại trong thành phố, các huyện phục vụ đợt triển khai khảo sát (05 ngày x 1.500.000/ngày x 01 xe ô tô = 7.500.000đ)	5											5		1.500.000	7.500.000	1.500.000đ/1 xe/1 ngày, theo thực tế
6	Chi phí hỗ trợ tổ chức tập huấn (ước tính: chi phí cho in ấn tài liệu, hội trường, phục vụ chế nước cho 5 đợt hội thảo, người phục vụ, thiết bị kỹ thuật...)	5											5		5.000.000	25.000.000	05 đợt hội thảo
7	Vé xe ô tô đi lại Hà Nội - Lạng Sơn (03 người x 07 chuyến công tác x 02 lượt = 42 lượt x 250.000đ/lượt/người = 10.500.000đ)	42											42		250.000	10.500.000	
III	Chi phí quản lý chung															52.906.246	
1	Chi phí thuế GTGT phải nộp (10%)															52.906.246	Chi tính trên chi phí nhân công, do các chi phí khác tại mục II đã là chi phí khoán, chi phí thực tế đã bao gồm thuế GTGT
TỔNG CỘNG (I+II+III)																655.016.708	
	LÀM TRÒN SỐ															655.016.000	

DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ (DDCI) NĂM 2024 - NỘI DUNG KHẢO SÁT TRỰC TIẾP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 39 /QĐ-SKHĐT ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị							Ghi chú	
		Số lượng thực hiện (người)	Thời gian thực hiện (tính theo ngày)			Tổng thời gian làm việc (tháng/tuần)	Mức lương thuê chuyên gia (VND/tháng/người)	Thành tiền (VND)		
			Triển khai khảo sát	Nhập liệu và làm sạch số liệu	Tổng cộng (ngày)					
1	2	3	7	8	11 = 4+...+10		12	13	14	
A	NỘI DUNG KHẢO SÁT TRỰC TIẾP TẠI ĐỊA PHƯƠNG								511.984.615	
I	CHI PHÍ THÙ LAO								285.576.923	
1	Thù lao cho Chuyên gia khảo sát phiếu B (địa phương) và phiếu A (Sở ngành) <i>Chuyên gia có trên 5 năm kinh nghiệm</i>	2	36	19	55	30	1	20.000.000	40.000.000	Mức lương theo khoản 3, Điều 3; Dù thời gian theo tháng theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
						21	3	20.000.000	33.230.769	Mức lương theo khoản 1, Điều 4; Dù thời gian theo tuần theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
						4		20.000.000	8.000.000	Mức lương theo khoản 2; Điều 4; Dù thời gian theo ngày theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
2	Thù lao cho Chuyên gia khảo sát điều tra thực địa <i>Chuyên gia có trên 5 năm kinh nghiệm</i>	2	10	4	14	14	2	20.000.000	22.153.846	Mức lương theo khoản 1, Điều 4; Dù thời gian theo tuần theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
3	Thù lao cho Chuyên gia khảo sát phiếu B (địa phương) và phiếu A (Sở ngành) - chuyên gia dưới 5 năm kinh nghiệm	5	36	17	53	30	1	15.000.000	75.000.000	Mức lương theo khoản 4, Điều 3; Dù thời gian theo tháng theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
						21	3	15.000.000	62.307.692	Mức lương theo khoản 1, Điều 4; Dù thời gian theo tuần theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
						2		15.000.000	7.500.000	Mức lương theo khoản 2; Điều 4; Dù thời gian theo ngày theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
4	Thù lao cho Chuyên gia khảo sát điều tra thực địa - Chuyên gia dưới 5 năm kinh nghiệm	3	12	9	21	21	3	15.000.000	37.384.615	Mức lương theo khoản 1, Điều 4; Dù thời gian theo tuần theo TT02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015
II	CHI PHÍ KHÁC								197.850.000	
1	Bưu phí bảo đảm cho mỗi lượt phiếu đi (4.500 bộ phiếu x 16.100 đ)	4.500						16.100	72.450.000	Cước phí vận chuyển bưu phẩm đảm bảo của Bưu điện Việt Nam VN post với bưu phẩm ước khoảng 120g (gửi từ Hà Nội)
2	Bưu phí bảo đảm cho mỗi lượt phiếu về (1.500 bộ phiếu x 16.100đ)	1.500						16.100	24.150.000	Cước phí vận chuyển bưu phẩm đảm bảo của Bưu điện Việt Nam VN post với bưu phẩm ước khoảng 120g (gửi từ Hà Nội)

STT	Nội dung	Dự toán đơn vị							Ghi chú
		Số lượng thực hiện (người)	Thời gian thực hiện (tính theo ngày)			Tổng thời gian làm việc (tháng/tuần)	Mức lương thuê chuyên gia (VNĐ/tháng/người)	Thành tiền (VNĐ)	
			Triển khai khảo sát	Nhập liệu và làm sạch số liệu	Tổng cộng (ngày)				
3	Chi phí in phiếu và phong bì bảo đảm (4.500 bộ phiếu x 9.500đ)	4.500					9.500	42.750.000	Phát sinh thực tế Chi theo giá cả thị trường
4	Chi phí điện thoại liên hệ doanh nghiệp khảo sát và làm sạch số liệu (08 máy* 06 tuần*600.000đ/máy/tuần)	48				48	600.000	28.800.000	Phát sinh thực tế
5	Chi phí tiền phòng nghỉ thực địa cho khảo sát DDCI tại tỉnh (03 phòng/05 người x 600.000đ/phòng/đêm x 04 đêm = 7.200.000đ)	3				4	600.000	7.200.000	600.000đ/1 phòng, Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017
6	Chi phí tiền ăn đi thực địa cho khảo sát DDCI tại tỉnh (200.000đ/ngày/người x 05 người x 05 ngày = 5.000.000đ)	5				5	200.000	5.000.000	200.000đ/ngày/người, Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017
7	Chi phí thuê xe đi lại trong tỉnh phục vụ khảo sát thực địa (05 ngày x 1.500.000đ/ngày/xe x 02 xe ô tô = 15.000.000đ)	2				5	1.500.000	15.000.000	1.500.000đ/1xe/1 ngày x 02 xe ô tô, khảo sát 11 huyện thành phố, phát sinh thực tế, theo giá cả thị trường
8	Vé xe ô tô đi lại Hà Nội - Lạng Sơn - Hà Nội (05 người x 250.000đ/người/lượt x 02 lượt = 2.500.000đ)	5				2	250.000	2.500.000	Theo TT 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017
III	Chi phí quản lý chung bao gồm thuế							28.557.692	
1	Thuế GTGT (10%)							28.557.692	Chi tính trên chi phí nhân công, do các chi phí khác tại mục II đã là chi phí khoán, chi phí thực tế đã bao gồm thuế GTGT
Tổng Cộng (I+II+III)								511.984.615	
	Làm tròn số							511.984.000	

**BIỂU DỰ TOÁN CHI PHÍ TUYÊN TRUYỀN VỀ BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THUỘC TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 39 /QĐ-SKHĐT ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>14</i>	
1	Chi phí thiết kế và làm việc với các đơn vị truyền thông	125.000.000	Thông tin tuyên truyền trên báo đài về Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố (DDCI) năm 2024
TỔNG CỘNG		125.000.000	

**BIỂU DỰ TOÁN CHI PHÍ KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THUỘC TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 39 /QĐ-SKHĐT ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>14</i>	
1	Chi phí khác	8.000.000	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu; đăng thông tin trên mạng đấu thầu quốc gia...
TỔNG CỘNG		8.000.000	